

BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20192
Lớp KTDN K10 Mã lớp học 29,093 Lý thuyết

Môn học: KMH33 Kế toán máy (Tin học kế toán)

Giáo viên: Trần Thị Hải Duyên

Số đơn vị học trình: 1

Ngày thi: 29/5/20

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
1	CD181473	Đinh Tú Anh	09/10/2000	5		<u>Đinh Tú Anh</u>	
2	CD170588	Đỗ Thị Quỳnh Anh	03/03/1999				Vắng
3	CD180536	Nguyễn Mai Anh	29/12/2000	6		<u>Nguyễn Mai Anh</u>	
4	CD162829	Phạm Ngọc Anh	24/02/1998				Vắng
5	CD181239	Phạm Ngọc Anh	23/03/2000	5		<u>Phạm Ngọc Anh</u>	
6	CD181214	Phạm Thị Lan Anh	11/10/2000	5		<u>Phạm Thị Lan Anh</u>	
7	CD180895	Trần Tâm Anh	06/05/2000	6		<u>Trần Tâm Anh</u>	
8	CD180992	Phạm Thị Kim Cúc	28/03/2000	5		<u>Phạm Thị Kim Cúc</u>	
9	CD182649	Trương Thị Quỳnh Diễm	19/05/2000	7		<u>Trương Thị Quỳnh Diễm</u>	
10	CD171364	Hà Tiến Dũng	27/09/1998	Không được thi do không hoàn thành học phí			
11	CD180635	Nguyễn Thu Hà	30/04/2000	6		<u>Nguyễn Thu Hà</u>	
12	CD181071	Nguyễn Thị Thanh Hải	15/07/2000	7		<u>Nguyễn Thị Thanh Hải</u>	
13	CD181738	Dương Thúy Hân	13/08/2000	5		<u>Dương Thúy Hân</u>	
14	CD180520	Nguyễn Thị Hạnh	02/02/2000	9		<u>Nguyễn Thị Hạnh</u>	
15	CD181684	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/09/2000	6		<u>Nguyễn Thị Mỹ Hạnh</u>	
16	CD182283	Nguyễn Thị Thu Hiền	15/08/2000	6		<u>Nguyễn Thị Thu Hiền</u>	
17	CD182893	Nguyễn Thị Hiếu	29/07/2000	6		<u>Nguyễn Thị Hiếu</u>	
18	CD180847	Hồ Ánh Hồng	11/01/2000	5		<u>Hồ Ánh Hồng</u>	
19	CD182655	Phan Thị Mai Hương	01/03/2000	6		<u>Phan Thị Mai Hương</u>	
20	CD181937	Đỗ Thị Thanh Huyền	17/10/1995	6		<u>Đỗ Thị Thanh Huyền</u>	
21	CD180794	Lê Thanh Huyền	20/10/2000	5		<u>Lê Thanh Huyền</u>	
22	CD182647	Lê Thị Huyền	18/02/2000	9		<u>Lê Thị Huyền</u>	
23	CD181285	Vũ Thu Khuyến	19/11/2000	6		<u>Vũ Thu Khuyến</u>	
24	CD173289	Nguyễn Tùng Lâm	08/12/1997				Vắng
25	CD183013	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	09/03/1998	4		<u>Nguyễn Thị Quỳnh Mai</u>	
26	CD180224	Vương Hiền Minh	17/10/2000	8		<u>Vương Hiền Minh</u>	
27	CD182974	Bùi Thị Nga	12/09/2000	5		<u>Bùi Thị Nga</u>	
28	CD180141	Lê Bảo Ngọc	25/01/1997	6		<u>Lê Bảo Ngọc</u>	
29	CD180108	Trần Thị Bích Ngọc	04/11/1999	7		<u>Trần Thị Bích Ngọc</u>	
30	CD182544	Nguyễn Thị Nguyệt	15/02/2000	6		<u>Nguyễn Thị Nguyệt</u>	
31	CD173513	Đậu Thị Nhung	13/12/1997	5		<u>Đậu Thị Nhung</u>	
32	CD180396	Vũ Văn Phương	08/05/2000	4		<u>Vũ Văn Phương</u>	
33	CD181295	Nguyễn Thị Phượng	28/01/2000	Không được thi do không hoàn thành học phí			
34	CD182508	Nguyễn Thị Huệ Quyên	13/06/2000	7		<u>Nguyễn Thị Huệ Quyên</u>	
35	CD180052	Đinh Thị Quỳnh	07/06/1997	9		<u>Đinh Thị Quỳnh</u>	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
36	CD182030	Trần Thị Quỳnh	24/12/2000	5		Quỳnh	
37	CD182498	Nguyễn Thu Thảo	14/01/1999	6		Thảo	
38	CD180192	Phạm Thị Phương Thảo	25/01/1999	6		Thảo	
39	CD182077	Trần Minh Thư	04/06/2000	7		Thư	
40	CD183176	Nguyễn Thị Thùy	17/02/1997	6		Thùy	
41	CD182900	Cao Thị Thu Thủy	28/02/1997	8		Thủy	
42	CD182318	Trần Thu Trà	11/09/2000	5		Trà	
43	CD182830	Nguyễn Tường Vi	28/05/2000	Không được thi do không hoàn thành học phí			Học phí
44	CD181880	Hoàng Thị Hải Yến	22/12/2000	5		Yến	

Tổng số sinh viên dự thi: 38

Tổng số tờ giấy thi: 38

Số sinh viên đạt: 36

Ngày giáo viên nộp điểm: 28/5/2020

Hạn cuối nộp điểm:

PHÒNG ĐÀO TẠO

Trần Thị Như Trang

Trần Thị Như Trang

CÁN BỘ CHẤM THI

Trần Thị Hải Duyên

CÁN BỘ COI THI 1

TRƯỞNG KHOA

Chu Hoàng Văn Long

CHU NHIỆM KHOA

ThS. Hoàng Văn Long

Nguyễn Văn Thành

Nguyễn Văn Thành